***Văn bản: HDĐT* SÀI GÒN TÔI YÊU**

***I-Tác giả – Tác phẩm:***

***1-Tác giả:*** M.Hương

-Quê Quảng Nam đã vào sinh sống ở SG trước 1945.

-Thg viết các thể loại: bút kí, tuỳ bút, tạp văn, phóng sự với n nhận xét tinh tế, dí dỏm và sâu sắc.

***2-Tác phẩm:*** Đây là bài tuỳ bút rút từ bài bút kí Nhớ... SG, tập I của M.Hg.

*\*Thể loại:*Tuỳ bút

*\*Chủ đề:* Bài tuỳ bút thể hiện tình cảm y.mến và n ấn tương bao quát chung của tác giả về thành phố SG trên các p.diện chính: TN, khí hậu, th.tiết, cuộc sống s.hoạt của thành phố, cư dân và phong cách con ng SG.

***II-Phân tích:***

***1-Những ấn tác giả chung bao quát về SG:***

*\* Thành phố 300 năm vẫn trẻ:*

->Cách s2 khá đa dạng và bất ngờ - Có t.d tô đậm cái trẻ trung của SG.

=>Thể hiện tình cảm nồng nhiệt của tác giả đối với SG.

*\* Thời tiết và nhịp sống của SG:*

-Sớm: nắng ngọt ngào

-Chiều lộng gió nhớ thg, dưới n cây mưa nhiệt đới bất ngờ

-Trời đang ui2 buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại như thuỷ tinh.

->Miêu tả kết hợp với biểu cảm – Làm cho câu văn có hồn và gợi cảm xúc cho ng đọc.

=>Cảm nhận tinh tế về sự thay đổi nhanh chóng của th.tiết.

->Sd điệp từ, điệp c.trúc câu – Nhấn mạnh kh.khí ồn ào, sôi động của SG.

=>Thể hiện 1 t.yêu chân thành da diết của tác giả đối với SG.

***2-Đặc điểm cư dân và phong cách người SG:***

*\*Đ2 cư dân SG:*

-Cởi mở, mến khách, dễ hoà hợp.

*\*Phong cách bản địa của ng SG:*

-Trung thực, ngay thẳng và tốt bụng.

*\*Phong cách các cô gái SG:*

-Nét đẹp riêng: Nét đẹp trang phục, nét đẹp dáng vẻ, nét đẹp xã giao.

-Vẻ đẹp chung: Giản dị, khỏe mạnh,lễ độ, tự tin.

->Các vẻ đẹp truyền thống là g.trị bền vững mang bản sắc riêng – Tác giả coi trọng g.trị truyền thống.

*\*Thành phố ít chim, đông người:*

-Bảo vệ chim, bảo vệ TN- m.trong và lên án n kẻ vô trách nhiệm, phá hoại TN-m.trong.

***3-Tình yêu với SG:***

-Tôi yêu SG da diết …

-Vậy đó mà tôi yêu SG và yêu...

->Sd điệp từ – Nhấn mạnh SG có n điểm đáng yêu.

=>Yêu quí SG đến độ hết lòng, muốn được đóng góp sức m cho SG và mong mọi ng hãy đến, hãy yêu SG.

***IV-Tổng kết:***

*\*Ghi nhớ: sgk (173 ).*

***B-Luyện tập:***

**ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

***I-Ôn tập phần tiếng Việt:***

***1-Vẽ sơ đồ và tìm vd điền vào ô trống:***

***2-Lập bảng so sánh qh từ với d.từ, động từ, t.từ về ý nghĩa và chức năng:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ý nghĩa và chức năng | D.từ, động từ, tính từ | Quan hệ từ |
| ý nghĩa  Chức năng | Biểu thị người, sự vật, h.đ, t.chất.  Có k.năng làm thành phần của cụm từ, của câu. | Biểu thị ý nghĩa q.hệ  Liên kết các thành phần của cụm từ, của câu. |

***3-Giải nghĩa các yếu tố Hán Việt:***

Nhật (nhật kí): ngày

Quốc (quốc ca): nước

Tam (tam giác): ba

Tâm (yên tâm): lòng, dạ

Thảo (thảo nguyên): cỏ

Thiên (thiên niên kỉ): nghìn

Thiết (thiết giáp): thít lại

Thiếu (thiếu niên, thiếu thời): chưa đủ

Thôn (thôn dã, thôn nữ): thôn quê

Thư (thư viện): sách

Tiền (tiền đạo): trước

Tiểu (tiểu đội): nhỏ

Tiếu (tiếu lâm ): cười

Vấn (vấn đáp): hỏi

***II-Ôn tập phần tiếng Việt (tiếp theo):***

***1-Từ đồng nghĩa:***là n từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

VD: trông – nhìn, ngó, coi, mang.

-Có 2 loại từ đồng nghĩa:

+Từ đồng nghĩa hoàn toàn: quả – trái.

+Từ ĐN không h.toàn:hi sinh, bỏ mạng

-Vì 1 sự vật, h.tượng có nhiều tên gọi khác nhau, nên có h.tượng đồng nghĩa.

***2-Từ trái nghĩa:*** là n từ có nghĩa trái ngược nhau. VD: cười – khóc

***3-Từ đồng nghĩa, trái nghĩa:***

-Bé – to, nhỏ – to, nặng – nhẹ, dài – ngắn, lớn – bé, nhiều – ít.

-Thắng – thua, thắng – bại.

-Chăm chỉ – lười biếng.

***4-Từ đồng âm:***là n từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau

***5-Thành ngữ:***là loại cụm từ có c.tạo cố định, biểu thị 1 ý nghĩa h.chỉnh, ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng cao.

Nhgiã của thành ngữ có thể bắt nguồn tr.tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua 1 số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh...

VD: ếch ngồi đáy giếng: chỉ sự hiểu biết hạn hẹp, nông cạn.

-Thành ngữ có thể làm CN, VN trong câu hay làm phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ,...

***6-Tìm thành ngữ thuần Việt đồng nghĩa với thành ngữ Hán Việt:***

-Bách chiến bách thắng: trăm trận trăm thắng.

-Bán tín bán nghi: nửa tin nửa ngờ.

-Kim chi ngọc diệp: cành vàng lá ngọc.

-Khẩu phật tâm xà: miệng nam mô bụng bồ dao găm.

***7-Thay thế n từ in đậm thành n thành ngữ có ý nghĩa tương đương:***

-Đồng rộng mênh mông và vắng lặng: đồng không mông quạnh.

-Phải cố gắng đến cùng: còn nc còn tát.

-Làm cha làm mẹ phải chịu trách nhiệm về hành động sai trái của con cái: con dại cái mang

-Nhiều tiền bạc, trong nhà không thiếu thứ gì: giàu nứt đố đổ vách.

***8-Điệp ngữ:***là phép tu từ lặp đi lặp lại 1 từ, ngữ hoặc cả câu để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh.

-Điệp ngữ có nhiều dạng:

+Điệp ngữ cách quãng

+Điệp ngữ nối tiếp

+Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)

***9-Chơi chữ:***là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,... làm câu văn hấp dẫn và thú vị.

-Ví dụ:

Hoa nào không phải lẳng lơ

Mà người gọi bướm ỡm ờ lắm thay.

(là hoa gì ?)

Có con mà chẳng có cha

Có lưỡi, không miệng, đố là vật chi ?